

Số: 08/2022/QĐST-DS

Ba Tri, ngày 17 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 314/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở chính: Số 442, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đ – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà V - Chức vụ: Giám đốc Phòng Quản lý nợ. (Giấy ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019 của người đại diện theo pháp luật).

Địa chỉ liên hệ: phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông L;

Địa chỉ liên hệ: phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 156/UQ-QLN.22 ngày 08/02/2022 của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A theo giấy ủy quyền số 70/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022 của người đại diện theo pháp luật).

- *Bị đơn*: 1. Ông T, sinh năm 1985;

2. Bà D, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Số 318/ATHO, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông T và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền là 339.025.451 (Ba trăm ba mươi chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm

năm mươi mốt) đồng. Trong đó: Vốn gốc là: 276.395.722 (Hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi hai) đồng, lãi trong hạn là: 23.825.052 (Hai mươi ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn không trăm năm mươi hai) đồng, lãi quá hạn là: 35.755.998 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng, phạt chậm trả lãi là: 3.048.679 (Ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi chín) đồng.

- Về phương thức trả cụ thể:

+ Ngày 28/02/2022: Bà D và ông T sẽ thanh toán cho phía nguyên đơn 5.000.000 (Năm triệu) đồng, trừ vào dư nợ gốc.

+ Ngày 31/3/2022: Bà D và ông T sẽ thanh toán cho phía nguyên đơn 5.000.000 (Năm triệu) đồng, trừ vào dư nợ gốc.

+ Ngày 30/4/2022: Bà D và ông T sẽ thanh toán cho phía nguyên đơn 5.000.000 (Năm triệu) đồng, trừ vào dư nợ gốc.

+ Ngày 31/5/2022: Bà D và ông T sẽ thanh toán cho phía nguyên đơn 5.000.000 (Năm triệu) đồng, trừ vào dư nợ gốc.

+ Ngày 30/6/2022: Bà D và ông T sẽ thanh toán cho phía nguyên đơn 5.000.000 (Năm triệu) đồng, trừ vào dư nợ gốc.

+ Ngày 31/7/2021: Bà D và ông T sẽ thanh toán tất nợ gốc còn lại là: 251.395.722 (Hai trăm năm mươi một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi hai) đồng và tiền lãi phạt chậm trả lãi, lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số BRI.CN.1588.300719 ngày 30/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 289005259 ngày 31/7/2019, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng 30/7/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

- Thời hạn trả kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông T và bà D còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số BRI.CN.1588.300719 ngày 30/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 289005259 ngày 31/7/2019, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng 30/7/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, tính từ ngày 10/02/2022 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ như sau: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn cho đến khi trả tất nợ.

Trường hợp ông T và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng theo thời gian đã thỏa thuận nêu trên thì phía nguyên đơn được yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của ông T và bà D theo hợp đồng

thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số BRI.BĐCN.228.300719 ngày 30/7/2019; hợp đồng thế chấp số BRI.BĐCN.219.300719 ngày 30/7/2019.

2.2. Bị đơn ông T và bà D tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự có giá ngạch là: 8.475.636 (Tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm, sáu trăm ba mươi sáu nghìn) đồng. Bị đơn ông T và bà D thuộc hộ nghèo nên được miễn 50% án phí theo quy định của pháp luật. Ông T và bà D phải liên đới nộp số tiền án phí còn lại là: 4.237.819 (Bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm mười chín) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.175.000 (Tám triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0003242 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng